MẤY VẤN ĐỀ VỀ HOẠT ĐỘNG TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA

GS.TSKH. LƯU TRẦN TIÊU*

Có thể coi di tích lịch sử - văn hóa như một loại "tượng đài" mà trên đó, các thế hệ đi trước đã ghi dấu những giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật, kỹ thuật, tài năng sáng tạo, đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", tinh thần yêu nước, sự hy sinh cao cả, bản lĩnh và khí phách anh hùng vượt qua vô vàn thử thách cam go trong chiến đấu giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Di tích lịch sử - văn hóa là bản "thông điệp" được vật chất hóa của ông cha gửi lại cho các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau; là một thành tố quan trọng thể hiện sinh động và cụ thể bản sắc văn hóa của dân tộc.

Với tầm nhìn xa trông rộng về giá trị và tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với một dân tộc của một vĩ nhân, trong lúc đất nước còn biết bao công việc cấp bách cần giải quyết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65 ngày 23 tháng 11 năm 1945 về Bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam, nghĩa là chỉ sau khi Người đọc Bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa hơn 2 tháng, trong đó quy định: "Cấm phá hủy đình chùa, đền miếu, hoặc những nơi thờ tự khác, như cung điện, thành quách cùng lăng mộ... Cấm phá hủy những bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo nhưng có ích cho lịch sử...".

Lịch sử và văn hóa Việt Nam không chỉ được ghi lại trong sử sách, mà còn được hiện diện bởi những giá trị vật chất trên mọi nẻo đường đất nước, bao gồm hơn 4 vạn di tích được kiểm kê, trong đó có trên 6.000 di tích cấp tỉnh, hơn 3.000 di tích quốc gia, 10 di tích (xếp hạng đợt I) cấp quốc gia đặc biệt, 6 khu di sản được UNESCO ghi vào Danh mục Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Do những nguyên nhân khác nhau, nhiều di tích đã và đang bị xuống cấp nghiêm trọng.

Nhận thức được giá trị của di tích lịch sử-văn hóa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và nhà nước ta luôn quan tâm đến sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đặc biệt là từ năm 1994 đến nay, Chính phủ đã giao cho ngành Văn hóa thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, trong đó có mục tiêu chống xuống cấp di tích. Cùng với sự đầu tư của nhà nước, chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa của Đảng và Nhà nước đã huy động được một nguồn lực không nhỏ (ước khoảng 30% so với tổng vốn đầu tư của nhà nước) cho việc chống xuống cấp, tu bổ, tôn tạo di tích. Kết quả là gần 2.000 lượt di tích được chống xuống cấp, hàng trăm di tích quan trọng thuộc các thời kỳ lịch sử khác nhau đã được tu bổ, tôn tạo (khu di tích đền

* *Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam*

Hùng; các đình, đền, chùa, tháp, thành quách, cung điện, lăng tẩm nổi tiếng; các di tích quan trọng gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của các vị tiền bối cách mạng, các sự kiện lịch sử cách mạng, kháng chiến tiêu biểu (chiến khu Việt Bắc, chiến trường Điện Biên Phủ, di tích Kim Liên và khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, đường Trường Sơn, khu di tích Trung ương Cục Miền Nam...). Một số di tích đã mang lại nguồn thu lớn cho địa phương (ví dụ, trước đây khu di tích Cố đô Huế năm cao nhất cũng chỉ thu được 6 tỷ đồng từ tiền vé tham quan và các dịch vụ khác, năm vừa qua thu được trên 80 tỷ). Việt Nam cũng đã nhận được sự hợp tác và giúp đỡ của chuyên gia nhiều tổ chức quốc tế và các nước như Nhật Bản, Pháp, Ý, Đức, Ba Lan... trong công tác tu bổ, phục hồi di tích. Chúng ta học tập được nhiều kinh nghiệm, phương pháp nghiên cứu, mô hình tu bổ di tích với cách tiếp cận đa diện, liên ngành, cách ứng xử khoa học trong xử lý can thiệp và tu bổ, ứng dụng tiêu chuẩn quốc tế và khoa học - công nghệ hiện đại kết hợp với công nghệ truyền thống trong lĩnh vực tu bổ, phục hồi di tích.

Để thực hiện việc quản lý nhà nước về di sản văn hóa, xác định thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương đối với di sản văn hóa, cũng như quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa, nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là Luật di sản văn hóa (năm 2001) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa (năm 2009), trong đó, Điều 34 về việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quy định: "Phải giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích". Quy chế Về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh (năm 2003) của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) quy định rất cụ thể về những nguyên tắc trong tu bổ, phục hồi di tích: "Đảm bảo tính nguyên gốc, tính chân xác, tính toàn vẹn và sự bền vững của di tích; ưu tiên cho các hoạt động bảo quản, gia cố di tích trước khi áp dụng những biện pháp kỹ thuật tu bổ và phục hồi khác...; chỉ thay thế một bộ phận cũ bằng một bộ phận mới của di tích khi có đủ những chứng cứ khoa học chuẩn xác và phải có sự phân biệt rõ ràng giữa bộ phận mới thay thế với những bộ phận gốc". Những quy định của pháp luật Việt Nam về nguyên tắc trong trùng tu di tích hoàn toàn tương thích với các Hiến chương quốc tế (Hiến chương Athens năm 1931, Hiến chương Venice năm 1964, Văn kiện Nara năm 1994...). Năm 1987, nước ta đã tham gia Công ước Về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả to lớn, rất đáng tự hào về công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nơi này, nơi kia cũng đã để lại những hình ảnh gây phản cảm, xa rời những nguyên tắc trong hoạt động trùng tu, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, mà các phương tiện thông tin đại chúng đã lên tiếng mạnh mẽ trong thời gian vừa qua. Đó là hiện tượng "Lắp cổng chùa vào cổng đền", "sư tử "lạ" ở chùa Một Cột", "Thành nhà Mạc biến thành "lò gạch"", "Thành Sơn Tây lại "thất thủ"", "Di tích đang dần bị biến dạng", "Chùa Nôm không còn của làng Nôm", "Biến di tích thành công viên", "Tu bổ tháp Chăm thành... vườn hoa"... Dù có thể có một số chi tiết người trong cuộc cảm thấy chưa thật sự thỏa đáng, nhưng về cơ bản, báo chí đã phản ánh một hiện tượng có thật, một lời cảnh báo rất kịp thời về những sai sót trong hoạt động tu bổ, phục hồi di tích đã và đang diễn ra. Và, nếu không có biện pháp chấn chỉnh thì sẽ còn tiếp diễn. Vậy nguyên nhân do đâu? Lý do thì có nhiều, nhưng có lẽ có 3 vấn đề chủ yếu cần giải quyết:

Trước hết là về nhận thức. Tâm lý khá phổ biến của nhiều người và lãnh đạo ở các địa phương có dự án về bảo tồn di tích là muốn làm cho di tích của mình to đẹp hơn; thậm chí có nơi khai quật được nền móng kiến trúc rất quý, nhưng không được quan tâm đầu tư thỏa đáng để bảo tồn, phát huy giá trị, mà lại chỉ muốn "phỏng dựng" lại công trình với quy mô to lớn ở phía trên cho

dù không có một tư liệu khoa học nào để làm cơ sở cho việc đó. Rất tiếc là không ít trường hợp, tổ chức tư vấn thiết kế lại có nhận thức không đúng, không thực hiện nghiêm túc những nguyên tắc quy định trong Quy chế Về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, hoặc là chiều theo ý của địa phương để "làm mới" di tích. Ở đây cần phân biệt rạch ròi sự khác nhau về nguyên tắc giữa việc xây dựng một công trình mới theo thức kiến trúc truyền thống ở khu vực không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái di tích của thế hệ hôm nay để suy tôn những người có công với dân với nước và hoạt động tu bổ, phục hồi di tích. Việc xây dựng công trình mới theo thức kiến trúc truyền thống phụ thuộc chủ yếu vào yêu cầu công năng sử dụng và sự sáng tạo của kiến trúc sư trên nền kiến thức kiến trúc truyền thống. Đền thờ Nguyễn Trãi trên núi Côn Sơn (Hải Dương) là một dẫn chứng cho loại công trình này. Việc tu bổ, khôi phục di tích lại là hoạt động chuyên môn mang tính đặc thù, đối tượng không phải là công trình sáng tạo mới mà là sản phẩm vật chất có sẵn, chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa. Yêu cầu tối thượng của công tác bảo tồn là giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích, áp dụng các phương pháp khoa học về bảo quản, gia cố, tu sửa khi thấy cần thiết, chỉ khôi phục những thành phần đã mất khi có đủ tư liệu khoa học nhằm duy trì sự tồn tại lâu dài của di tích để trao truyền lại cho thế hệ mai sau. Hoạt động "tôn tạo" di tích không đồng nghĩa với việc "làm mới" hay "phục dựng", "phỏng dựng" lại di tích, mà là việc giải quyết cơ sở hạ tầng nhằm cải thiện các điều kiện để phát huy giá trị di tích. Thật ra, không phải bây giờ, mà ngày xưa các cụ cũng đã "quán triệt" nguyên tắc về tu bổ, phục hồi di tích, rồi theo phương châm "hỏng đâu sửa đấy", thay thế cấu kiện bị hỏng, chắp nối những bộ phận còn có thể sử dụng được. Đồng thời, các cụ cũng rất trân trọng tài hoa, công sức của những người thợ lớp trước, giữ lại dấu ấn của những lần tu sửa khác nhau, nhưng không làm thay đổi kết cấu và tính chân xác của di tích. Trong khá nhiều di tích (đình, chùa) có phong cách kiến trúc thời Nguyễn, như Chùa Dâu chẳng hạn, chúng ta thấy có sự hiện diện của các cấu kiện, các mảng điêu khắc của nhiều thời kỳ trước đó, nhưng vẫn giữ được sự hài hòa, ăn nhập của tổng thể công trình. Xem ra chúng ta phải học hỏi các cụ ngày xưa nhiều lắm. Nói như vậy không có nghĩa là không được phục hồi lại một di tích nào đó khi có đủ tư liệu khoa học của chính di tích đó, nhưng việc này phải hết sức thận trọng, vì dù có làm mới chính xác đến đâu thì vẫn là "làm giả", tính chân xác về mặt lịch sử không còn.

Kinh nghiệm về bảo tồn di sản của thế giới cho thấy, chính việc giữ gìn tính chân xác của di tích mới tạo được sức hút lớn đối với khách du lịch, không những có nhiều người đến hơn, mà còn đến nhiều lần hơn, bởi vì chính tính chân xác, các yếu tố gốc cấu thành di tích là mảnh đất hấp dẫn để du khách khám phá, trải nghiệm và tương tác. Việc làm mới, "làm giả" di tích chỉ "lừa" được khách một lần. Có thể lấy 2 di tích nổi tiếng của nước Ý làm ví dụ: Đấu trường Colosseum (đấu trường vòng cung khổng lồ) ở Roma được xây dựng vào thế kỷ thứ I (sau Công nguyên), chu vi 527m, cao khoảng 48m, sức chứa 5 vạn người. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhất là trận động đất mạnh vào thế kỷ XVIII đã làm sụp đổ 2/3 đấu trường. Mặc dù có đủ tư liệu, nhưng các lần trùng tu người ta không khôi phục lại đấu trường, mà chỉ gia cố, xây dựng một bức tường chống đỡ cho các bức tường cổ, vì cho rằng, chính hiện trạng di tích gốc không hoàn chỉnh của đấu trường là bí ẩn dành cho du khách khám phá. Một ví dụ khác là tháp nghiêng Pisa, được xây dựng năm 1174, nhưng khi xây được tầng một đã bị nghiêng, càng xây cao tháp càng nghiêng, vì thế mãi đến năm 1350 mới hoàn tất, với độ cao 54,18m. Chủ trương của Chính phủ Ý là không hạ giải tháp để xây lại, mà tìm các giải pháp kỹ thuật - công nghệ điều chỉnh lại độ nghiêng đến mức cho phép, nhưng không dựng thẳng đứng, vì "sự nghiêng" của tháp

Pisa lại tạo ra sức hút đối với khách du lịch (mỗi năm hàng triệu lượt người). Những người làm công tác trùng tu tháp Pisa đã thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ Ý, và sau 20 năm tu bổ, tháp nghiêng Pisa đã mở cửa đón khách trở lại.

Di tích lịch sử - văn hóa bao giờ cũng nằm trong không gian lịch sử, không gian văn hóa và môi trường sinh thái nhân văn. Việc làm biến dạng, sai lệch, lấn chiếm, thậm chí hủy hoại không gian, môi trường đó sẽ làm giảm đi rất nhiều giá trị vốn có của di tích. Vì vậy, bên cạnh hoạt động tu bổ, phục hồi di tích thì nhiệm vụ quy hoạch di tích phải đi trước một bước. Quy hoạch chuẩn, có nghề với tầm nhìn xa sẽ góp phần bảo vệ, phát huy di sản lâu dài và bền vững; quy hoạch không chuẩn sẽ có tác động tiêu cực đối với di tích. Rất đáng tiếc, ở khá nhiều di tích, kể cả những di tích quan trọng, đường đi lại, bãi đỗ xe, sân lễ hội, khu dịch vụ... được "bê tông hóa" đến sát di tích, khiến không gian của di tích bị thu hẹp, môi trường, cảnh quan lịch sử - văn hóa vốn có của di tích bị biến dạng.

Như vậy, trong hoạt động bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn thiết kế và những người trực tiếp thi công công trình, dù đó là vốn ngân sách nhà nước hay từ nguồn vốn xã hội hóa, bên cạnh niềm vinh dự được đóng góp trí lực của mình cho sự nghiệp cao cả này, còn có nghĩa vụ phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật Việt Nam về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, cũng như Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Trong những năm qua, Cục Di sản văn hóa, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hết sức cố gắng, liên tục tổ chức các đoàn thanh tra đến các di tích có sai phạm mà báo chí đã nêu và đã có văn bản yêu cầu các ban quản lý dự án tìm biện pháp khắc phục. Nhưng xem ra các vụ việc vẫn rơi vào im lặng. Vì vậy, cần thiết phải có chế tài đủ mạnh để xử lý vi phạm trong hoạt động tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa. Đồng thời, cần tăng cường, đổi mới các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho mọi người về văn hóa, về bản sắc văn hóa dân tộc để mọi người tự nhận biết nên làm việc gì, không nên làm việc gì trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Hiện tượng cung tiến sư tử đá đặt trước cổng chùa; cung tiến tượng, đồ thờ là sản phẩm hoặc mang sắc thái của nước ngoài bày trong một số công trình tín ngưỡng; hiện tượng dùng sơn hiện đại quét lên tượng sơn son thếp vàng truyền thống, lát gạch hoa trong đền chùa... suy cho cùng là sự thiếu hiểu biết về văn hóa, cả người cung tiến lẫn người nhận cung tiến. Chúng ta trân trọng tấm lòng của những người hằng tâm hằng sản, tâm huyết và công sức của các vị chủ trì, trông coi di tích, nhưng chúng ta cũng có quyền đòi hỏi ở họ trách nhiệm về việc giữ gìn, bảo vệ giá trị và tính chân xác của di sản.

Nguyên nhân thứ hai là về cơ chế, chính sách. Rất nhiều năm, hoạt động tu bổ, phục hồi di tích thực hiện theo cơ chế đấu thầu dự án đầu tư xây dựng, trong khi hoạt động này lại mang tính đặc thù, chuyên biệt. Khi đấu thầu thì chưa hẳn công ty chuyên về tu bổ di tích trúng thầu. Gói thầu di tích lại rơi vào công ty xây dựng không chuyên về bảo tồn di tích, thì việc làm mới, làm sai lệch di tích là điều khó tránh khỏi. Mô hình tổ chức thực hiện dự án cũng khác nhau: Có tỉnh thành lập một ban quản lý chung cho tất cả các loại dự án, trong đó có dự án về di tích; có tỉnh thì giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hoặc giao cho quận, huyện, thị xã, kể cả giao cho xã, phường thành lập ban quản lý dự án. Vì thế, các công ty chuyên về bảo tồn di tích không phải lúc nào cũng có cơ hội được thực hiện dự án đúng với chuyên môn của mình. Trong những năm gần đây, Chính phủ và Bộ Xây dựng đã quan tâm tháo gỡ việc này, cho phép thực hiện chỉ định thầu đối với các dự án về di tích. Nhờ vậy, các công ty chuyên về tu bổ di tích có nhiều cơ hội hơn để làm nghề của mình. Tuy nhiên, cũng không hoàn toàn "thuận buồn xuôi gió" như vậy. Không ít địa phương, để "an toàn" hoặc vì một lý do nào đó, không thực hiện chỉ định thầu các dự án tu bổ di tích khiến

các doanh nghiệp chuyên ngành về tu bổ di tích phải tìm kiếm thêm nhiều việc làm khác, không có điều kiện tập trung hoàn toàn vào công tác bảo tồn di tích.

Đơn giá cho công việc bảo tồn di tích cũng cần tiếp tục được tháo gỡ. Khác với dự án xây dựng công trình mới, trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư tu bổ di tích, đơn vị tư vấn thiết kế phải nghiên cứu các nguồn tư liệu khác nhau liên quan đến di tích, thuê chuyên gia, trong nhiều trường hợp phải hợp đồng với các nhà khảo cổ học tiến hành khai quật khảo cổ, nghiên cứu những nhân tố tác động làm xuống cấp di tích, khảo sát đánh giá cụ thể và chi tiết hiện trạng, chụp ảnh, quay phim tư liệu, đo vẽ chi tiết từng cấu kiện và từng mảng chạm khắc trang trí kiến trúc. Trên cơ sở đó mới lập thiết kế tu bổ, lập các phương án thi công và dự toán công trình. Công tác khảo sát thiết kế không những phải làm trong giai đoạn chuẩn bị dự án, mà còn phải tiếp tục trong suốt quá trình triển khai dự án. Trong không ít trường hợp, lúc thi công tháo rỡ các cấu kiện của công trình mới đánh giá được thực trạng hư hỏng của di tích. Và, như vậy phải vừa thiết kế, vừa thi công. Nguyên vật liệu chủ yếu cho việc tu bổ, phục hồi di tích là gỗ tốt, nhất là gỗ lim. Các loại gỗ này không những hiếm, rất đắt, lại phải có thời gian để khô và xử lý hóa chất chống mối mọt. Việc tu bổ, phục hồi các công trình kiến trúc nghệ thuật phải thuê nghệ nhân có tay nghề cao, lại phải làm mái che cho di tích để tránh mưa nắng. Việc hạ giải công trình di tích đòi hỏi nhiều công sức và độ chính xác cao; về nguyên tắc phải đánh dấu từng cấu kiện, từng viên ngói, viên gạch để khi lắp lại đúng vị trí của nó. Những công việc này khó tính thành khối lượng thanh toán. Chi phí cho các hoạt động nêu trên là rất lớn, nhưng định mức đơn giá đã ban hành không đáp ứng được. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu xây dựng một đơn giá đặc thù, phù hợp với công việc bảo tồn di tích.

Một nguyên nhân nữa cũng cần có giải pháp tháo gỡ, đó là việc chuyên môn hóa hoạt động bảo tồn di tích.

Ở nước ta, ngoài Cục Di sản văn hóa và Viện Bảo tồn di tích, chúng ta mới chỉ có một số lượng rất ít công ty hoạt động về bảo tồn di tích. Nhưng, như đã trình bày ở trên, các công ty này cũng không có điều kiện chuyên tâm hoàn toàn vào công việc bảo tồn di tích. Trong những năm qua, chúng ta đã đào tạo được một số lượng không nhỏ cán bộ làm công tác quản lý và chuyên môn về bảo tồn di tích. Cục Di sản văn hóa đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho cán bộ quản lý di tích của các tỉnh, thành phố cả về lý thuyết, cả đi thực tế, học "đầu bờ" ở nhiều di tích đang triển khai dự án bảo tồn, nhưng khi về cơ sở thì họ ít có cơ hội được trực tiếp tham gia các ban quản lý dự án, thậm chí không được tham vấn. Để đưa hoạt động bảo tồn di tích đi vào nền nếp, tránh việc tùy tiện "làm mới", "trẻ hóa", làm không đúng nguyên tắc trong hoạt động tu bổ, phục hồi di tích, chúng ta cần ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù; ban hành quy chế, điều lệ cho việc thành lập các công ty chuyên về bảo tồn di tích, được hoạt động trong phạm vi cả nước và cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân có đủ năng lực và trình độ chuyên môn về bảo tồn di tích; cần có cơ chế để cán bộ chuyên môn về lĩnh vực này tham gia vào các ban quản lý dự án về bảo tồn di tích, cũng như được tham vấn trong quá trình thực hiện dự án. Đồng thời cần có những hình thức khen thưởng kịp thời cho tập thể, cá nhân có thành tích; tổ chức bình chọn những di tích được tu bổ, phục hồi đạt chất lượng cao. Xử lý tập thể, cá nhân vi phạm trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Có như vậy chúng ta mới gìn giữ được lâu dài những giá trị lịch sử - văn hóa, tính chân xác của di tích để phát huy và chuyển giao cho các thế hệ mai sau./.

L.T.T

Tài liệu tham khảo:

1- Trần Lâm Biền (Chủ biên), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt (Vùng Châu thổ sông Hồng)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H, 2008.

2- Hoàng Đạo Kính, *Di sản văn hóa - Bảo tồn và trùng tu*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H, 2002.

3- Lưu Trần Tiêu, "Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam", Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, H, 2002.